TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 356/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sáng
2. Ông Nguyễn Văn Hơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc*: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/08/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Lê Thị Kim T**,sinh năm: 1980; địa chỉ: số D ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: **Ông Huỳnh Văn D**, Sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/06/2024, biên bản làm việc ngày 26/7/2024, nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1998. Nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, bà T và ông D sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau. Bà T đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng nhưng không đạt được, bà T nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông D đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay bà T yêu

cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông D. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc B, sinh ngày 08/01/1998, hiện cháu đã trưởng thành và có cuộc sống độc lập, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Do thời điểm năm 1998, bà T và ông D chưa đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của cháu Lê Thị Ngọc B không có ghi tên cha. Và cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ, sinh ngày 07/01/2010, hiện cháu đang sống với bà Lê Thị Kim T, do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ.

Về tài sản chung: Bà T và ông D tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/08/2024, bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Phía bị đơn ông Huỳnh Văn D đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Toà án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông D.

Về con chung: giao con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo Đ sinh ngày 07/01/2010 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo Đ. Đối với con chung tên Lê Thị Ngọc B, sinh ngày 08/01/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông D tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn D có nơi cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông D.

Về quan hệ tranh chấp: Đối với vụ án là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà T và ông D tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2009. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Bà T xác định đã không còn tình cảm với ông D nên xin được ly hôn với ông D. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa bà T và ông D đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Đối với ông D, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho ông D nhưng ông D vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua đó cũng thể hiện việc ông D có ý thức bỏ mặc, không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông D là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Bà T và ông D có 02 người con chung là cháu Lê Thị Ngọc B, sinh ngày 08/01/1998 và cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ, sinh ngày 07/01/2010. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo Đ, không yêu cầu ông D cấp dưỡng cho cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ. Đối với con chung tên Lê Thị Ngọc B, sinh ngày 08/01/1998 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông D vắng mặt nên không có ý kiến về con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo Đ sinh ngày 07/01/2010. Trong khi bà T hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ. Hơn nữa, cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ có nguyện vọng sống với bà T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần của cháu Huỳnh Ngọc

Bảo Đ thiết nghĩ nên để cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ là phù hợp. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T đối với ông Huỳnh Văn D. Bà T được ly hôn với ông D. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà T và ông D có 02 người con chung là cháu Lê Thị Ngọc B, sinh ngày 08/01/1998 và cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ sinh ngày 07/01/2010. Khi ly hôn, bà T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo Đ, ghi nhận bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Ngọc Bảo Đ. Đối với con chung tên Lê Thị Ngọc B đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà T và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001014 ngày 09/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, Bến Tre. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Bà Lê Thị Kim T và ông Huỳnh Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- CCTHADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phan Thanh Sáng Nguyễn Văn Hơn	**Nguyễn Thị Tuyết Nga**